

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 22 – 01 – 2025.

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Trường

2. Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2024/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57A/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1991

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố Thanh L, phường Hương X, thị xã Hương Tr, tỉnh Thừa Thiên H.

Chỗ ở hiện nay: Số 69, đường N2, khu nhà ở Phú Mỹ H, phường Tân Đ, thành phố D, tỉnh Bình D (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm: 1986

Địa chỉ cư trú: Ấp Phú L, xã Phú H, huyện Ch, tỉnh H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Trước đây, bà và ông Võ Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/10/2013. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu đầm ấm, hạnh phúc nhưng khoảng thời gian sau, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, đời sống chung không thể hòa thuận, không tìm được tiếng nói chung. Bà H và ông T đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và không còn hạnh phúc nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Văn Tâm.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 người con chung tên Võ Thị Thanh T(nữ) sinh ngày 26/11/2012. Hiện cháu Thanh Tím đang sống với mẹ là bà Hồng. Sau khi ly hôn yêu cầu được nuôi cháu T, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Quá trình tố tụng tại Tòa án, Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng bị đơn ông T vẫn không đến Tòa án: Do ông T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của ông Tâm.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn ông Võ Văn T vắng mặt.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Võ Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông Tâm.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51; Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H; Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Võ Văn T; Về con chung: giao cháu Võ Thị Thanh T (nữ) sinh ngày 26/11/2012 cho bà Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H chưa yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không giải quyết. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà H phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Do hôn nhân không hạnh phúc nên bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Võ Văn Tâm, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, nuôi con. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Châu Thành nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của

Toà án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Võ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông Tâm.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn T xác lập quan hệ hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2013. Được Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/10/2013 nên hôn nhân giữa bà H và ông T được xem là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa bà H và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Tâm. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa bà H và ông T nguyên nhân mâu thuẫn chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, hai bên cũng đã cho nhau nhiều cơ hội nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn, khiến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, từ đó bà H và ông T đã sống ly thân với nhau. Nhận thấy hôn nhân là sự tự nguyện của cả hai bên, yêu thương và có trách nhiệm quan tâm chăm sóc lẫn nhau, quá trình tiến hành các giai đoạn tố tụng tại Tòa án, bà Phụng đã được Tòa án phân tích, động viên nhằm hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, tuy nhiên phía bà H vẫn cương quyết xin ly hôn và không mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với ông Tâm. Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn không đến Tòa án cho ý kiến về vụ kiện, chứng tỏ bị đơn không quan tâm đến hôn nhân giữa bị đơn và nguyên đơn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà H xin ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Võ Văn Tâm.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn T có con chung tên Võ Thị Thanh Tím (nữ) sinh ngày 26/11/2012, từ khi bà H và ông T ly thân thì cháu Tím sống chung với bà Hồng. Về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung thì bà H có công ăn việc làm ổn định, có thu nhập, có chỗ ở nên đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng cháu đến khi trưởng thành, hơn nữa cháu Tím cũng có nguyện vọng là khi cha mẹ ly hôn mong muốn của cháu là được sống chung với mẹ. Đồng thời, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống, cần ổn định cuộc sống hiện tại của cháu Tím. Giao cháu Võ Thị Thanh Tím (nữ) sinh ngày 26/11/2012 cho bà Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi tròn 18 tuổi. Ông Võ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Thị H không yêu cầu.

Trong trường hợp có căn cứ người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con chưa thành niên thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Võ Văn T không ai được quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về nợ chung: Đương sự khai không có, nên không giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[7] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc xin ly hôn với bị đơn ông Võ Văn Tâm.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Võ Văn Tâm.

4. Về con chung: Giao cháu Võ Thị Thanh Tím (nữ) sinh ngày 26/11/2012 cho bà Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi tròn 18 tuổi. Ông Võ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Thị H không yêu cầu.

Trong trường hợp có căn cứ người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con chưa thành niên thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Võ Văn T không ai được quyền cản trở.

5. Về tài sản chung: Không có.

6. Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

7. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003364 ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành tiền án phí. Bà H đã nộp xong.

8. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

9. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS H.Châu Thành;
- VKSND H.Châu Thành;
- UBND xã Phú Hữu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bình Nguyễn Văn Trương

Nguyễn Thị Thúy Hương

